

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

Bản án số: 28/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 26 – 8 – 2022

V/v tranh chấp ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Ngọt

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Hồng Thùy

Bà Nguyễn Thị Kiều Oanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thiên Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

Ngày 26 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 35/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2022 về tranh chấp ly hôn.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị N, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Số E, ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: Ông Chou Ming T, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Số B, đường G, khóm A, phường T, thị trấn Đ, huyện B, Đài Loan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/7/2022; bản tự khai và đơn xin vắng mặt cùng ngày 03/8/2022, nguyên đơn bà Huỳnh Thị N trình bày như sau:

Bà Huỳnh Thị N và ông C Ming Tsung tự nguyện tìm hiểu nhau và tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào năm 2019 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân H, tỉnh Bến Tre vào ngày 06/6/2019, đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà chung sống với nhau khoảng 01 tuần thì ông T trở về Đài Loan, thời gian sau đó thì ông T cũng có nhiều lần trở lại Việt Nam nhưng không ở lại lâu. Trong thời gian ông T ở Đài Loan thì hai bên cũng có liên lạc với

nhau, nhưng khoảng 01 năm từ khi kết hôn thì vợ chồng bà thường xuyên tranh cãi, nguyên nhân do hai bên không hợp nhau về tính cách cũng như suy nghĩ, không thể hàn gắn được. Do đó, bà nhận thấy tình cảm giữa bà và ông T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

Về hôn nhân: Bà yêu cầu được ly hôn với ông Chou Ming T, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do hiện tại bận công việc ở xa nên bà không thể tham gia vụ kiện. Do đó, bà xin được vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng của vụ án bao gồm tất cả phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, các phiên xét xử của Tòa án.

Trong quá trình giải quyết vụ án, theo văn bản nêu ý kiến của bị đơn ông Chou Ming T trình bày:

Ông Chou Ming T và bà Huỳnh Thị N quen biết nhau và tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào ngày 06/06/2019 tại Ủy ban nhân dân huyện H. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng ông chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thường xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm, công việc, nơi sinh sống, cả hai không thể hòa hợp được nên ông trở về Đài Loan sinh sống, không đến Việt Nam nữa; còn bà N ở lại Việt Nam; vì vậy mâu thuẫn giữa ông và bà N ngày càng nghiêm trọng, hai bên cũng không còn liên lạc với nhau. Nay ông nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã ly thân thời gian dài. Vì vậy, ông cũng đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của bà Huỳnh Thị N, cụ thể:

Về hôn nhân: Ông Chou Ming T đồng ý ly hôn với bà Huỳnh Thị N.

Về con chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện nay, do ông đang làm việc và sinh sống tại Đài Loan, không có điều kiện về Việt Nam tham gia vụ kiện nên ông xin được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa bà Huỳnh Thị N và ông Chou Ming T là ly hôn, nguyên đơn bà Huỳnh Thị N có địa chỉ ở Việt Nam; bị đơn ông Chou Minh T1 có

quốc tịch Đài Loan và hiện nay đang có địa chỉ ở nước ngoài nên căn cứ vào khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38 và Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa gia đình và người chưa thành niên Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị N và ông C Mĩng Tsung xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2019 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện H và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 16 ngày 06/6/2019 nên hôn nhân giữa bà Huỳnh Thị N và ông Chou Mĩng T là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Nhận thấy, sau khi kết hôn, ông bà chung sống được khoảng thời gian ngắn thì ông T trở về Đài Loan; sau đó ông T có trở lại Việt Nam nhưng thời gian lưu trú không lâu. Khoảng 01 năm sau thì bà N và ông T bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm sống. Do khoảng cách địa lý xa xôi, cả hai không có điều kiện để bồi đắp tình cảm cũng như giải quyết mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng nên bà Huỳnh Thị N yêu cầu được ly hôn với ông T. Tòa án nhận được văn bản ý kiến của ông Chou Mĩng T về việc ông cũng đồng ý ly hôn với bà N, ông T cho rằng giữa ông và bà N khác nhau về suy nghĩ, nơi sinh sống; bản thân ông hiện nay cũng không về Việt Nam nữa; mâu thuẫn giữa vợ chồng ông là không thể giải quyết được. Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân của bà N và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng không có quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc bà N yêu cầu ly hôn với ông T là có căn cứ.

Từ những phân tích trên, nhận thấy việc bà Huỳnh Thị N yêu cầu ly hôn với ông Chou M Tsung là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Bà N và ông T không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên ghi nhận.

[3] Về con chung; về tài sản chung: Bà N và ông T trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Bà Huỳnh Thị N và ông Chou Mĩng T trình bày không có. Tòa án không nhận được đơn yêu cầu độc lập nào của bên thứ ba nên không giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì các bên đương sự có thể khởi kiện thành vụ kiện khác.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch: Bà Huỳnh Thị N phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38 và Điều 40, Điều 147, Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 56 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của bà Huỳnh Thị N và ông Chou Ming T.

1.1. Về hôn nhân: Bà Huỳnh Thị N được ly hôn với ông Chou Ming T.

1.2. Về con chung; về tài sản chung: Bà Huỳnh Thị N và ông Chou Ming T trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.3. Về nợ chung: Bà Huỳnh Thị N và ông Chou Ming T trình bày không có. Tòa án không nhận được đơn yêu cầu độc lập nào của bên thứ ba nên không giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì các bên đương sự có thể khởi kiện thành vụ kiện khác.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0009754 ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre. Bà N đã nộp xong.

Sung quỹ nhà nước số tiền 200.000 (hai trăm nghìn) đồng là chi phí thực tế thực hiện uỷ thác tư pháp về dân sự của Việt Nam ra nước ngoài theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0009771 ngày 26 tháng 8 năm 2022 của Cục thi hành án dân sự Bến Tre.

3. Bà Huỳnh Thị N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật. Ông Chou Ming T được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre;
- UBND huyện Chợ Lách;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Ngọt